

Bản án số: 99/2021/DS-PT

Ngày: 10-3-2021

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, quyền sở hữu
nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến.**

Ông **Võ Ngọc Thông.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10-3-2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/TLPT-DS ngày 27-10-2020 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 22-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 853/QĐXX ngày 22-02-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lương Xuân D**, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố HD, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông **Lương Quang Đ**, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã D1, huyện D2, Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1960 địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã D1, huyện D2, Khánh Hòa, vắng mặt.

3. Bà Lương Thị Thúy L, sinh năm 1983 địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã D1, huyện D2, Khánh Hòa, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Đ, bà P):

Bà Lương Thị Thúy L, sinh năm 1983 địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã D1, huyện D2, Khánh Hòa (Hợp đồng ủy quyền số 6574/2020 ngày 22-12-2020), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:

Luật sư **Lưu Vũ A** - Văn phòng Luật sư Tinh Hoa Việt, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị G; địa chỉ cư trú: Xóm N, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Bà Lương Thị R; địa chỉ cư trú: Thôn Đ2, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ trụ sở: Số 149, đường L1, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện (Giấy ủy quyền ngày 23-5-2018), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 1047, 1048 tờ bản đồ số 10, tại xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa thuộc sở hữu của ông bà, nội ông là cụ Lương T1 và cụ Nguyễn Thị Th (đều đã chết) tạo lập. Sau đó, để lại cho cha, mẹ ông là ông Lương H2 (chết năm 2005), bà Huỳnh Thị X1 (chết năm 1993) quản lý, sử dụng làm nhà từ đường. Cha, mẹ ông có **06** người con gồm: **(1)** ông Lương D3 (chết năm 1969, không có vợ con), **(2)** bà Lương Thị G, **(3)** ông Lương Quang Đ, **(4)** ông Lương Xuân D, **(5)** bà Lương Thị D4 (chết năm 1980, không có chồng con) và **(6)** bà Lương Thị R. Năm Mậu tuất (1994), cha ông lập di chúc phân chia tài sản cho 02 người con trai là ông (Đ) và anh trai ông là Lương Quang Đ. Theo nội dung di chúc, thì anh trai ông được chia 01 nhà trên và một nửa đất thổ cư (sát nhà) và toàn bộ ruộng chia của Hợp tác xã. Ông được chia 01 nhà dưới, đám ruộng trước nhà và ruộng liệt sĩ được Nhà nước cấp. Sau khi cha ông lập di chúc, do điều kiện công tác phải đi xa, nên ông không ở tại nhà đất này mà giao cho anh trai ông là Lương Quang Đ quản lý, thờ cúng ông bà.

Năm 2013, anh trai ông (Đ) tự ý kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) đối với toàn bộ diện tích đất do ông, bà để lại thành 02 thửa đất (thửa đất số 1047, tờ bản đồ số 10, diện tích 888 m² đứng tên con gái là Lương Thị Thúy L và thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 10, diện tích 946 m² đứng tên vợ chồng ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P).

Đối với hiện trạng thửa đất và nhà trên, nhà dưới từ trước đến nay không có gì thay đổi. Năm 2014, con gái ông Đ là chị Lương Thị Thúy L đã xây dựng 01 quán nước trước nhà từ đường.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 526514, số vào sổ cấp GCN: CH01447 ngày 28-8-2013 do Ủy ban nhân dân huyện D2 cấp cho bà Lương Thị Thúy L đối với thửa đất số 1047, tờ bản đồ số 10 tại xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 526516, số vào sổ cấp GCN: CH01449 ngày 28-8-2013 do Ủy ban nhân dân huyện D2 cấp cho ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P đối với thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 10 tại xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa.

- Phân chia tài sản thừa kế của cha ông là ông Lương H2 theo di chúc do cha ông lập ngày 30-3-1994; phân chia tài sản thừa kế của mẹ ông là bà Huỳnh Thị X1 theo quy định của pháp luật và ông xin được nhận hiện vật.

Bị đơn:

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 1047 và thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 10, tại xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa thuộc sở hữu của cha mẹ ông Lương Quang Đ là cụ Lương H2 và cụ Huỳnh Thị X1. Năm Quý Dậu (1993), cụ Lương H2 lập di chúc cho hai con trai là Lương Quang Đ và Lương Xuân D toàn bộ nhà và đất, nhưng ông Lương Xuân D đã nhường lại toàn bộ nhà và đất mà ông D được hưởng cho ông Lương Quang Đ.

Năm 1997, vợ chồng ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện D2 cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10, với diện tích 1.910 m². Năm 2013, vợ chồng ông Lương Quang Đ làm thủ tục tách thửa thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10, thành 02 thửa là: Thửa đất số 1407, tờ bản đồ số 10 và thửa đất số 1408, tờ bản đồ số 10. Trong đó thửa đất số 1407, vợ chồng ông Lương Quang Đ tặng cho con gái là Lương Thị Thúy L. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ đối với 02 thửa đất nêu trên và trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ của UBND huyện D2 là đúng pháp luật. Vì vậy, phía bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn trình bày:

Theo tài liệu mà các bên đã cung cấp cho Tòa án, thì có 01 (một) bản di chúc lập vào năm 1993, do các bị đơn cung cấp; 02 (hai) bản di chúc lập vào năm 1994, do nguyên đơn cung cấp. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm đã thể hiện việc ông Lương Quang Đ đã được bố, mẹ (cụ Lương H2 và cụ Huỳnh Thị X1) cho ông nhà và đất từ khi hai cụ còn sống, nên ngày 21-3-1996, ông Lương Quang Đ đã làm thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ theo Nghị định 64/NĐ-0CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ và đã được UBND huyện D2 cấp Giấy CNQSDĐ vào năm 1997 là đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm ông Lương Quang Đ kê khai xin cấp Giấy CNQSDĐ là khi hai cụ (Lương H2 và Huỳnh Thị X1) đều còn sống, thống

nhất cho ông Đ và không có ý kiến gì cho đến khi hai cụ mất. Vì vậy, các bản di chúc đã lập trước đây do các bên cung cấp không còn giá trị kể từ thời điểm ông Lương Quang Đ kê khai xin cấp Giấy CNQSDĐ ngày 21-3-1996. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Xuân D.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lương Thị G, bà Lương Thị R trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lương Xuân D.

- Ủy ban nhân dân huyện D2, tỉnh Khánh Hòa trình bày:

Ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P được UBND huyện D2, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy CNQSDĐ số 01417/QSDĐ/ĐĐ-DK ngày 17-11-1997, gồm: Thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.910 m²; thửa đất số 146, tờ bản đồ số 4, diện tích 710 m² và thửa đất số 147, tờ bản đồ số 4, diện tích 325 m² tại xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Lương Quang Đ (có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng xét cấp đất ngày 28-6-1997). Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10 là của cha, mẹ để lại từ năm 1990 (không có giấy tờ, không ai tranh chấp), còn thửa đất số 146 và thửa đất số 147, tờ bản đồ số 04 được cấp theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ.

Năm 2013, ông Lương Quang Đ có đơn yêu cầu, nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện D2 (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện D2) tách thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10 thành hai thửa đất là: Thửa đất số 1407, diện tích 888 m² và thửa đất số 1408, diện tích 946 m². Ngày 31-7-2013, vợ chồng ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P tặng cho con gái là chị Lương Thị Thúy L thửa đất số 1407, tờ bản đồ số 10, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập tại UBND xã D1, huyện D2; cùng ngày, chị Lương Thị Thúy L nộp hồ sơ xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P nộp hồ sơ đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy CNQSDĐ. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện D2 đã tham mưu cho UBND huyện D2 giải quyết hồ sơ đăng ký biến động của các ông, bà theo quy định, cụ thể: Chị Lương Thị Thúy L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 526514, số vào sổ cấp GCN: CH01447 ngày 28-8-2013 đối với thửa đất số 1407, tờ bản đồ số 10, diện tích 888 m²; ông Lương Quang Đ và bà Nguyễn Thị P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 526515, số vào sổ cấp GCN: CH01448 cấp ngày 28-8-2013 đối với thửa đất số 1408, tờ bản đồ số 10, diện tích 946 m².

Thủ tục, trình tự giải quyết hồ sơ đăng ký biến động, cấp Giấy CNQSDĐ cho các ông, bà nêu trên là đúng quy định của pháp luật. UBND huyện D2, tỉnh Khánh Hòa không chấp nhận yêu cầu hủy các Giấy CNQSDĐ nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 22-5-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Căn cứ các Điều 10, 11, 12, 13 và 17 Pháp lệnh thừa kế ngày 30-8-1990; các Điều 34, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lương Xuân D. Chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lương H2 lập ngày 30/03 năm Giáp tuất (1994).

1. Ông Lương Quang Đ sở hữu đất và tài sản khác gắn liền với đất (nhà G1, G2, G3, mái che 1, mái che 2, sân xi măng, nhà vệ sinh, Giếng (công trình số 9), cổng và hàng rào lô A 62,7m, 20 cây dừa) và diện tích đất là 898 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư) được ký hiệu là Lô A, theo sơ đồ Trích đo địa chính thửa đất và Bản vẽ hiện trạng nhà (có miêu tả chi tiết).

2. Ông Lương Xuân D sở hữu đất và tài sản khác gắn liền với đất (nhà G4, Giếng (công trình số 10), 04 (bốn) cây dừa bung loại B, hàng rào Lô B 16,7 m) và diện tích đất là 898 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư) được ký hiệu là Lô B, theo sơ đồ Trích đo địa chính thửa đất và Bản vẽ hiện trạng nhà (có miêu tả chi tiết).

3. Ông Lương Xuân D phải thanh toán cho ông Lương Quang Đ và bà Nguyễn Thị P số tiền 3.049.400 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

4. Ông Lương Xuân D phải thanh toán cho bà Lương Thị Thúy L số tiền 57.453.000 đồng (năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 526514, số vào sổ cấp GCN: CH01447 ngày 28-8-2013 của UBND huyện D2 cấp cho bà Lương Thị Thúy L.

6. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 526516, số vào sổ cấp GCN: CH01449 ngày 28-8-2013 của UBND huyện D2 cấp cho ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P.

7. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01417QSDĐ/ĐĐ-DK ngày 17-11-1197 của UBND huyện D2 cấp cho hộ gia đình ông Lương Quang Đ và bà Nguyễn Thị P đối với thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.910 m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22-5-2020, bị đơn là ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P và chị Lương Thị Thúy L kháng cáo toàn bộ bản án.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 123/QĐKNPT-VKS-DS ngày 05-6-2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia phần di sản thừa kế của cụ Huỳnh Thị X1 theo pháp luật; xem xét công sức quản lý, giữ gìn di sản của ông Lương Quang Đ và bà Nguyễn Thị P và xem xét lại phần án phí.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không đồng với quyết định của bản án sơ thẩm, nên bị đơn kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kháng nghị bản án. Đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị phúc thẩm là trong thời hạn quy định tại Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận bị đơn có toàn quyền sử dụng đất theo đúng Giấy CNQSDĐ đã được cấp; nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của phía bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Do đương sự kháng cáo toàn bộ bản án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các vấn đề:

[2.1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với di sản của cha, mẹ để lại; đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải, quyết là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 34 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện D2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (Luật sư Lưu Vũ A) vắng mặt, nhưng bảo lưu quan điểm bảo vệ cho đương sự tại phiên tòa ngày 26-3-2020 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Nguyễn Văn Thành) đề nghị xét xử vắng mặt Luật sư Vũ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: 01417 QSDĐ/ĐĐ-DK ngày 17-11-1997 của UBND huyện D2 cấp cho hộ gia đình ông Lương Quang Đ và bà Nguyễn Thị P đối với thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.910 m². Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu bổ sung này không vượt quá phạm vi khởi kiện và đã được UBND huyện D2 có ý kiến tại Văn bản số 352/UBND ngày 05-7-2018, nên chấp nhận để xem xét, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Đối với kháng cáo của bị đơn:

Nguyên đơn, ông Lương Quang Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc phân tài sản của cha ông là cụ Lương H2 và chia tài sản thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản của mẹ ông là cụ Huỳnh Thị X1. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định:

- Về hàng thừa kế:

Cụ ông Lương H2 và bà cụ Huỳnh Thị X1 có **06** người con gồm: **(1)** ông Lương D3 (chết năm 1969, không có vợ con), **(2)** bà Lương Thị G, **(3)** ông Lương Quang Đ, **(4)** ông Lương Xuân D, **(5)** bà Lương Thị D4 (chết năm 1980, không có chồng con) và **(6)** bà Lương Thị R. Cụ Huỳnh Thị X1 chết năm 1993, cụ Lương H2 chết năm 2005. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ là bà Lương Thị G, ông Lương Quang Đ, ông Lương Xuân D và bà Lương Thị R.

- Về thời điểm mở thừa kế:

Theo lời khai của ông Lương Xuân D, bà Lương Thị G, bà Lương Thị R và “Đơn xin xác nhận” ngày 15-10-2019, có chữ ký của người làm chứng là ông Nguyễn Văn A, ông Lương Nh, có xác nhận của Công an xã D1 (bút lục số 129), thì cụ Huỳnh Thị X1 chết tháng 9-1993, nhưng tại Trích lục khai tử số 201/TLKT-BS ngày 02-11-2017 (bút lục số 30) và Trích lục khai tử số 329/TLKT-BS ngày 23-10-2019 (bút lục số 127) đều xác định cụ Huỳnh Thị X1 chết ngày 26-12-1996. Tuy nhiên, cụ Huỳnh Thị X1 chết năm 1993 hay chết năm 1996 cũng chỉ là mốc thời gian để tính thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ Xàng để lại. Căn cứ vào Trích lục khai tử số 201/TLKT-BS ngày 01-11-2017 (bút lục số 29), thì cụ Lương H2 chết ngày 19-4-2005, do đó thời điểm mở thừa kế theo di chúc của cụ Lương H2 được tính từ sau ngày 19-4-2005.

- Về di sản thừa kế:

Các đương sự đều thừa nhận thừa đất số 1047, tờ bản đồ số 10, diện tích diện tích 888 m² và thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 10 được tách ra từ thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích 1.910 m² tại xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc của ông bà, nội (Lương T1 và Nguyễn Thị Th) tạo lập. Sau đó, để lại cho cha, mẹ các đương sự (Lương H2 và Huỳnh Thị X1). Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, có cơ sở để xác định thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích 1.910 m² tại xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của cụ ông Lương H2, cụ bà Huỳnh Thị X1.

- Về yêu cầu chia di sản thừa kế:

Trong hồ sơ vụ án có 01 bản di chúc được lập ngày 21 tháng 6 năm Quý Dậu (năm 1993) và 02 bản di chúc được lập ngày 30 tháng 3 năm Giáp Tuất (năm 1994). Bản di chúc lập năm 1993 do phía bị đơn cung cấp, bản di chúc lập năm 1994 do phía nguyên đơn cung cấp và cả 03 bản di chúc này đều có chữ ký của người để lại di chúc là cụ Lương H2, nhưng trong 01 bản di chúc lập năm Quý Dậu (năm 1993) chỉ có chữ ký của ông Lương Quang Đ và của ông Lương Xuân D; trong 02 bản di chúc lập năm Giáp Tuất (năm 1994), thì bản di chúc (bút lục số 27) có chữ ký của ông Lương Quang Đ và vợ là Nguyễn Thị P, có chữ ký của bà Lương Thị G và của

bà Lương Thị R (không có chữ ký của ông Lương Xuân D), bản di chúc (bút lục số 28) có chữ ký của ông Lương Xuân D và vợ Phan Thị Th1, của bà Lương Thị G và của bà Lương Thị R (không có chữ ký của ông Lương Quang Đ). Tuy nhiên, cả 03 bản di chúc đều có nội dung cơ bản giống nhau, cụ thể: “... 2 lớn: Về phần nhà cửa: 1) là con trai lớn hưởng cái nhà trên, 2) là con trai nhỏ hưởng cái nhà dưới. 3 lớn: Về đất thổ cư: 1) con trai lớn Lương Quang Đ hưởng một nửa, 2) con trai nhỏ Lương Xuân D hưởng một nửa. 4 lớn: Phần ruộng đất canh tác hàng năm: 1) con trai lớn hưởng đất cấp của HTX, 2) con trai nhỏ hưởng miếng đất 5% trước nhà...”.

Mặc dù, nội dung các bản di chúc nêu trên, cụ Lương H2 để lại tài sản cho hai con trai là ông Lương Quang Đ và ông Lương Xuân D. Tuy nhiên, do có căn cứ để xác định thửa đất số 440, tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích 1.910 m² tại xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của cụ Lương H2 và cụ Huỳnh Thị X1, nên tại thời điểm năm 1993, năm 1994, cụ Huỳnh Thị X1 còn sống hay đã chết, thì di chúc do cụ Lương H2 lập (có đủ chữ ký của hàng thừa kế thứ nhất) cũng không thể tự định đoạt được phần tài sản của cụ Huỳnh Thị X1. Như vậy, di chúc do cụ Lương H2 lập chỉ có giá trị định đoạt tài sản của mình là ½ trong khối tài sản chung của hai cụ.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là ông Lương Xuân D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị G, bà Lương Thị R đều đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo di chúc đối với phần tài sản của cụ Lương H2 và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Huỳnh Thị X1 cho hàng thừa kế thứ nhất (các bút lục số 24, 33, 62, 63, 64, 67, 75 và 83), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định di chúc do cụ Lương H2 lập là hợp pháp và chia tài sản chung của hai cụ cho ông Lương Xuân D và ông Lương Quang Đ mà không xem xét phần tài sản của cụ Huỳnh Thị X1 để chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ, trong đó có bà Lương Thị G và bà Lương Thị R là không đúng quy định của pháp luật.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần hủy bản án sơ thẩm để xem xét, phân chia phần di sản thừa kế của cụ Huỳnh Thị X1 cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Xàng theo quy định của pháp luật. Quá trình chia di sản thừa kế có xem xét đến công sức của ông Lương Quang Đ trong việc gìn giữ, bảo quản di sản thừa kế.

[2.2.2]. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát:

Do hủy bản án sơ thẩm, nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[3]. Về án phí: Do hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, nên các đương sự kháng cáo là ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P và chị Lương Thị Thúy L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 22-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P và chị Lương Thị Thúy L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; tuyên trả cho ông Lương Quang Đ, bà Nguyễn Thị P và chị Nguyễn Thị Thúy L mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001243, số AA/2016/0001244 và số AA/2016/0001245, cùng ngày 08-6-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
(kèm hồ sơ vụ án);
- TANDTC - Vụ II;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường